

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: <u>10.128</u>
	Giờ..... Ngày <u>31</u> tháng <u>03</u> năm <u>11</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY
DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị Xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên
Ông Trương Hữu Quyền	Thành viên
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Thiện Thể	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011



Số: 242/2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở các Thuyết minh số 2 và 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Đây là báo cáo tài chính riêng của Công ty nên Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con theo phương pháp giá gốc.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Chí Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.715.644.331	208.158.353.316
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	159.288.022.854	120.282.199.675
1. Tiền	111		28.910.903.867	23.276.779.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.377.118.987	97.005.420.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.159.103.222	64.440.836.261
1. Phải thu khách hàng	131		61.881.197.450	50.109.983.915
2. Trả trước cho người bán	132		6.975.561.290	12.210.908.122
3. Các khoản phải thu khác	135		302.344.482	2.119.944.224
III. Hàng tồn kho	140	6	17.352.488.891	13.345.644.878
1. Hàng tồn kho	141		17.352.488.891	13.345.644.878
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.916.029.364	10.089.672.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		201.220.127	5.237.569.489
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	3.592.913.065	2.062.526.697
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.121.896.172	2.789.576.316
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		345.311.944.973	273.796.183.563
I. Tài sản cố định	220		164.054.393.242	167.937.522.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	82.187.367.617	77.582.427.339
- Nguyên giá	222		147.385.857.917	125.436.363.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.198.490.300)	(47.853.936.163)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.447.245.637	1.520.411.532
- Nguyên giá	228		2.075.076.200	2.012.516.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(627.830.563)	(492.104.668)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	80.419.779.988	88.834.683.988
II. Bất động sản đầu tư	240	11	151.901.347.741	87.115.748.954
- Nguyên giá	241		159.830.112.197	92.353.475.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(7.928.764.456)	(5.237.726.798)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.153.421.530	205.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	6.482.400.600	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	205.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.328.979.070)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		24.202.782.460	18.537.911.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	23.778.071.858	18.205.666.882
2. Tài sản dài hạn khác	268		424.710.602	332.244.868
TỔNG TÀI SẢN	270		599.027.589.304	481.954.536.879

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		220.730.728.742	194.311.998.560
I. Nợ ngắn hạn	310		97.197.751.481	94.335.381.863
1. Phải trả người bán	312		10.775.093.368	12.785.132.423
2. Người mua trả tiền trước	313		36.844.942.252	36.914.375.439
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	8.138.689.968	-
4. Phải trả người lao động	315		10.416.391.839	7.479.656.987
5. Chi phí phải trả	316		3.268.319.966	238.038.500
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	5.737.030.510	23.077.587.158
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.017.283.578	13.840.591.356
II. Nợ dài hạn	330		123.532.977.261	99.976.616.697
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	105.432.163	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.394.300.325	4.451.858.125
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		118.033.244.773	95.524.758.572
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17	378.296.860.562	287.642.538.319
I. Vốn chủ sở hữu	410		378.296.860.562	287.642.538.319
1. Vốn cổ phần	411		107.000.000.000	107.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	37.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		69.397.461.510	69.397.461.510
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		65.133.475.121	2.445.644.923
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.645.936.114	9.405.379.928
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		85.119.987.817	62.394.051.958
TỔNG NGUỒN VỐN	440		599.027.589.304	481.954.536.879

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng)		-	1.539.671.225
2. Ngoại tệ (đô la Mỹ)		2.766.640	2.731.739



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	497.787.711.130	344.701.805.936
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	(304.325.766.768)	(203.622.976.874)
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		193.461.944.362	141.078.829.062
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.192.025.188	7.277.758.855
5. Chi phí tài chính	22		(1.328.979.070)	(757.414.153)
6. Chi phí bán hàng	24		(38.416.179.788)	(27.731.551.538)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(20.400.233.483)	(16.039.219.058)
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		144.508.577.209	103.828.403.168
9. Thu nhập khác	31		1.646.193.325	2.414.943.972
10. Chi phí khác	32		(741.137.537)	(289.126.787)
11. Lợi nhuận khác	40	20	905.055.788	2.125.817.185
12. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	50		145.413.632.997	105.954.220.353
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(19.495.987.560)	(13.496.207.968)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(105.432.163)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		125.812.213.274	92.458.012.385
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	<u>11.514</u>	<u>8.402</u>



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	145.413.632.997	105.954.220.353
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	20.914.833.605	14.709.752.153
- Các khoản dự phòng	03	1.328.979.070	(273.072.523)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.709.247.713)	(2.551.907.382)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.927.085.415)	(4.671.385.434)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	156.021.112.544	113.167.607.167
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(9.107.652.033)	22.391.706.528
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.006.844.013)	3.962.819.021
- Tăng các khoản phải trả	11	10.953.116.760	5.681.225.844
- Giảm chi phí trả trước	12	(536.055.614)	(7.358.267.526)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.647.018.484)	(14.501.627.221)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(92.465.734)	(7.014.849.198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	132.584.193.426	116.328.614.615
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(81.847.540.290)	(110.398.012.733)
2. Tiền thu từ thanh lý, TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	474.545.455	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.482.400.600)	-
4. Tiền thu bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	26	205.000.000	19.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	8.482.777.475	4.725.851.473
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(79.167.617.960)	(105.653.161.260)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.120.000.000)	(10.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.120.000.000)	(10.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	36.296.575.466	(24.546.645)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	120.282.199.675	117.754.838.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.709.247.713	2.551.907.382
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	159.288.022.854	120.282.199.675



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 20 tháng 1 năm 2009, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 107.000.000.000 đồng, trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 497 người (năm 2009: 480 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010; vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc tại khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác tối đa trong năm năm theo thời gian hoạt động của mỏ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các quỹ**

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2%

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	381.408.558	275.442.797
Tiền gửi ngân hàng	28.529.495.309	23.001.336.878
Các khoản tương đương tiền	130.377.118.987	97.005.420.000
	<u>159.288.022.854</u>	<u>120.282.199.675</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng đô la Mỹ và đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.319.437.302	3.829.843.725
Công cụ, dụng cụ	27.469.619	17.147.749
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	138.224.245	102.028.604
Thành phẩm	11.867.357.725	9.359.339.108
Hàng hóa	-	37.285.692
	<u>17.352.488.891</u>	<u>13.345.644.878</u>

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.526.678.848	375.647.924
Thuế giá trị gia tăng	1.463.433.913	1.336.285.616
Thuế thu nhập cá nhân	517.934.096	-
Các loại thuế khác	84.866.208	350.593.157
	<u>3.592.913.065</u>	<u>2.062.526.697</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	32.370.266.409	59.052.655.487	32.217.399.169	1.796.042.437	125.436.363.502
Tăng trong năm	1.106.770.546	12.918.593.150	15.272.727	135.311.945	14.175.948.368
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	4.412.345.270	267.828.571	3.867.125.636	-	8.547.299.477
Thanh lý, nhượng bán	-	(37.142.857)	(736.610.573)	-	(773.753.430)
Tại ngày 31/12/2010	37.889.382.225	72.201.934.351	35.363.186.959	1.931.354.382	147.385.857.917
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	12.415.093.061	24.063.487.011	10.039.914.210	1.335.441.881	47.853.936.163
Khấu hao trong năm	3.316.531.157	9.228.466.818	5.311.853.664	231.218.413	18.088.070.052
Thanh lý, nhượng bán	-	(37.142.857)	(706.373.058)	-	(743.515.915)
Tại ngày 31/12/2010	15.731.624.218	33.254.810.972	14.645.394.816	1.566.660.294	65.198.490.300
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	22.157.758.007	38.947.123.379	20.717.792.143	364.694.088	82.187.367.617
Tại ngày 31/12/2009	19.955.173.348	34.989.168.476	22.177.484.959	460.600.556	77.582.427.339

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 14.111.182.546 đồng (năm 2009: 13.917.920.009 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	1.807.721.600	204.794.600	2.012.516.200
Tăng trong năm	-	62.560.000	62.560.000
Tại 31/12/2010	1.807.721.600	267.354.600	2.075.076.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	349.263.711	142.840.957	492.104.668
Trích khấu hao trong năm	82.367.711	53.358.184	135.725.895
Tại ngày 31/12/2010	431.631.422	196.199.141	627.830.563
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	1.376.090.178	71.155.459	1.447.245.637
Tại ngày 31/12/2009	1.458.457.889	61.953.643	1.520.411.532

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	88.834.683.988	39.699.110.980
Tăng	89.952.186.453	98.377.587.093
Kết chuyển sang tài sản cố định	(8.547.299.477)	(17.220.513.415)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(67.476.636.445)	(25.058.987.285)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(22.343.154.531)	(6.962.513.385)
Tại ngày 31 tháng 12	80.419.779.988	88.834.683.988

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Cơ sở hạ tầng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	30.436.883.639	61.916.592.113	92.353.475.752
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	-	67.476.636.445	67.476.636.445
Tại ngày 31/12/2010	30.436.883.639	129.393.228.558	159.830.112.197
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	2.372.673.184	2.865.053.614	5.237.726.798
Trích khấu hao trong kỳ	654.223.232	2.036.814.426	2.691.037.658
Tại ngày 31/12/2010	3.026.896.416	4.901.868.040	7.928.764.456
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	27.409.987.223	124.491.360.518	151.901.347.741
Tại ngày 31/12/2009	28.064.210.455	59.051.538.499	87.115.748.954

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tại ngày 5 tháng 4 năm 2010, Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn với Công ty United Potteries Sài Gòn. Theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng 51% vốn điều lệ (tương ứng 166.530 đô la Mỹ) của Công ty Liên doanh United Potteries Bình Đức (sau đây gọi tắt là "Bình Đức") từ Công ty United Potteries Sài Gòn. Ngày 18 tháng 11 năm 2010, Công ty mua tiếp 49% vốn điều lệ (tương đương 160.000 đô la Mỹ) còn lại từ Nhà Nước và trở thành chủ sở hữu 100% của Bình Đức.

Bình Đức là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 1056/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 11 năm 1994 và các giấy phép điều chỉnh. Số vốn điều lệ đăng ký là 326.530 đô la Mỹ và đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trụ sở đăng ký của Bình Đức đặt tại ấp Bình Đức, xã Bình Nhâm, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của Bình Đức là sản xuất kinh doanh các sản phẩm gốm sứ và các phụ kiện có liên quan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Bình Đức đã tạm ngưng hoạt động và phát sinh doanh thu và chi phí không đáng kể trong năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	18.205.666.882	13.256.764.350
Tăng trong năm	18.660.907.924	11.016.807.517
Phân bổ vào chi phí trong năm	(13.088.502.948)	(6.067.904.985)
Số dư cuối năm	23.778.071.858	18.205.666.882

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là số thuế tài nguyên phát sinh trong năm còn phải nộp Ngân sách Nhà nước.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Cổ tức phải trả	-	21.422.450.000
Phải trả, phải nộp khác	5.737.030.510	1.655.137.158
	5.737.030.510	23.077.587.158

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Ghi tăng/(giảm) lợi nhuận	1.857.181.593	(1.962.613.756)	(105.432.163)
Tại ngày 31/12/2010	1.857.181.593	(1.962.613.756)	(105.432.163)

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.962.613.756)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.857.181.593	-
	(105.432.163)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	10.700.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>107.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>
 Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	10.700.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>107.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	70.000.000.000	-	-	55.614.864.378	5.527.597.668	35.326.523.573	166.468.985.619
Tăng vốn trong năm	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	-	-	74.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	92.458.012.385	92.458.012.385
Phân phối các quỹ	-	-	-	16.228.242.055	3.877.782.260	(33.290.484.000)	(13.184.459.685)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(32.100.000.000)	(32.100.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	69.397.461.510	(69.397.461.510)	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	107.000.000.000	37.000.000.000	69.397.461.510	2.445.644.923	9.405.379.928	62.394.051.958	287.642.538.319
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	125.812.213.274	125.812.213.274
Phân phối các quỹ	-	-	-	22.687.830.198	5.290.556.186	(45.966.277.415)	(17.987.891.031)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(17.120.000.000)	(17.120.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Số dư tại 31/12/2010	107.000.000.000	37.000.000.000	69.397.461.510	65.133.475.121	14.645.936.114	85.119.987.817	378.296.860.562

Trong năm 2010, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2009 là 5.350.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 với tỷ lệ là 5% mệnh giá và trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận chưa phân phối với số tiền là 40 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2010. Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2010 là 11.770.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 với tỷ lệ là 11% mệnh giá.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty căn cứ vào điều lệ đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ lần lượt là 15%, 5%, 5% và 2% trên lợi nhuận sau thuế với tổng giá trị là 45.966.277.415 đồng. Số liệu trích các quỹ sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. DOANH THU**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu bán hàng	489.800.990.979	338.206.368.197
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.986.720.151	6.495.437.739
	497.787.711.130	344.701.805.936

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Giá vốn hàng bán	298.952.206.314	197.966.162.735
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.373.560.454	4.280.468.780
	304.325.766.768	202.246.631.515

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	474.545.455	-
Thu nhập khác theo kết quả của kiểm toán Nhà nước	-	1.511.261.816
Các khoản thu nhập khác	1.171.647.870	903.682.156
Thu nhập khác	1.646.193.325	2.414.943.972
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	30.237.515	-
Các khoản khác	710.900.022	289.126.787
Chi phí khác	741.137.537	289.126.787
	905.055.788	2.125.817.185

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	145.413.632.997	105.954.220.353
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.783.247.713)	(4.063.169.198)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.942.661.006	1.495.619.896
Thu nhập chịu thuế	147.573.046.290	103.386.671.051
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động chính áp dụng thuế suất 12,5%	139.178.192.097	98.803.678.362
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác áp dụng thuế suất 25%	8.394.854.193	4.582.992.689
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	36.893.261.572	25.846.667.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(17.397.274.012)	(12.350.459.795)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.495.987.560	13.496.207.968

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2006. Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2010.

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	125.812.213.274	92.458.012.385
Trừ: - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.709.247.713)	(2.551.907.382)
Cộng: - Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	105.432.163	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	123.208.397.724	89.906.105.003
Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân	10.700.000	10.700.000
Lãi trên cổ phiếu	11.514	8.402

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng xây dựng, mua máy móc và trang thiết bị với giá trị 13.608.820.000 đồng (năm 2009: 0 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các hợp đồng này vẫn chưa thực hiện và Công ty chưa ghi nhận giá trị các hợp đồng này vào báo cáo tài chính.

24. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.842.022.166	5.152.448.480

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	3.480.830.881	2.245.833.411
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	13.923.323.524	8.983.333.645
Sau năm năm	137.056.861.739	87.589.040.229
	154.461.016.144	98.818.207.285

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại khu công nghiệp Đất Cuốc với thời hạn thuê trung bình 47 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.121.091.000	875.195.000
Tiền thưởng	218.600.000	56.000.000
Các khoản phúc lợi khác và thù lao	1.838.118.712	2.420.361.306
Thu nhập Ban Giám đốc	<u>3.177.809.712</u>	<u>3.351.556.306</u>

26. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Số dư doanh thu nhận trước bao gồm 35.904.623.777 đồng của 6 (sáu) công ty có hoạt động kinh doanh thuộc ngành công nghiệp gây ô nhiễm. Ngày 16 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi Thông báo số 205/TB-UBND tới Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương yêu cầu thu hồi giấy phép đầu tư của những công ty nói trên. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có quyết định cuối cùng. Từ năm 2009, Công ty không ghi nhận vào doanh thu tiền thuê đất của các công ty như đã đề cập ở trên với số tiền là 1.431.882.116 đồng. Trong trường hợp các công ty này bị thu hồi giấy phép đầu tư, Công ty sẽ phải thanh toán lại toàn bộ số tiền đã nhận được trước đây của các công ty thuê đất cùng với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh tính theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 6.165.774.313 đồng.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của thông tư này, khoản mục Quỹ khen thưởng phúc lợi, và quỹ khác thuộc chủ sở hữu với số dư lần lượt là 13.397.098.452 đồng và 443.492.904 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại và trình bày tại chỉ tiêu Nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán để so sánh với số liệu trên báo cáo tài chính năm nay.

28. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 3 năm 2011.



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng